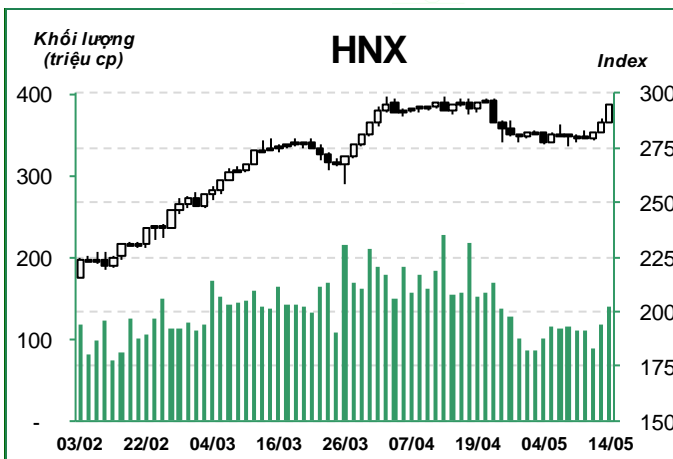
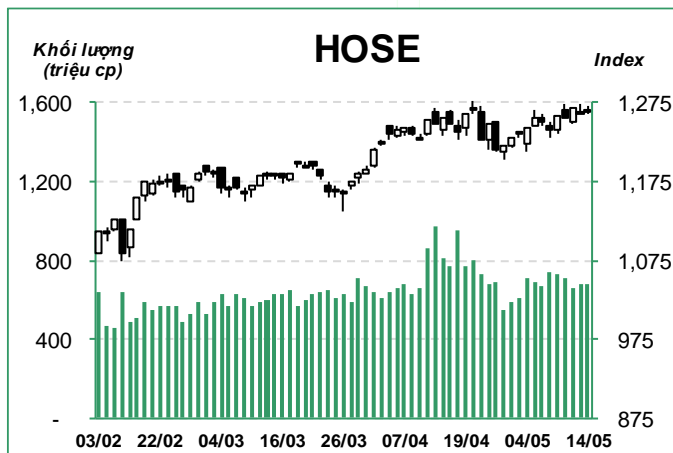


Tổng quan thị trường

14/05/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,266.36	0.35%	1,380.02	0.72%	294.72	2.68%
Cuối tuần trước	1,241.81	1.98%	1,340.73	2.93%	279.86	5.31%
Trung bình 20 ngày	1,247.87	1.48%	1,323.08	4.30%	284.22	3.70%
Tổng KLGD (triệu cp)	730.99	2.74%	263.92	-8.98%	161.22	26.30%
KLGD khớp lệnh	679.02	-0.20%	251.13	-7.64%	139.29	17.22%
Trung bình 20 ngày	688.39	-1.36%	246.06	2.06%	118.93	17.12%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	22,032.24	1.87%	12,891.72	-0.71%	3,467.88	25.42%
GTGD khớp lệnh	20,288.90	-0.01%	12,300.19	0.87%	2,917.46	12.59%
Trung bình 20 ngày	18,681.93	8.60%	11,133.02	10.48%	2,277.15	28.12%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	190	41%	22	73%	100	27%
Số mã giảm	220	48%	8	27%	108	29%
Số mã đứng giá	48	10%	0	0%	159	43%



Thị trường lấy lại sắc xanh trong phiên giao dịch ngày thứ 6 với động lực chính đến từ đà tăng khởi sắc của nhóm cổ phiếu ngân hàng bên cạnh một vài trụ cột riêng lẻ khác. Tuy nhiên, tín hiệu tăng không thật sự đồng thuận khi áp lực bán mạnh từ giao dịch của khối ngoại khiến tâm lý thị trường chùng xuống vào cuối phiên chiều. Nhiều nhóm ngành rơi vào trạng thái giằng co và thậm chí điều chỉnh mạnh, điển hình là nhóm thép, dầu khí hay BĐS.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đóng cửa tăng lên mức 1,266.36 điểm (+0.35%). Mặc dù tăng điểm trong phần lớn thời gian giao dịch, dòng tiền mạnh chỉ tập trung kéo trụ dẫn đến tình trạng “xanh vỏ đỏ lòng”. Độ rộng thị trường có phần nhỉnh hơn về bên bán với 220 mã giảm/190 mã tăng. Thanh khoản tương đương với phiên giao dịch hôm qua với KLGD khớp lệnh đạt 679.0 triệu cổ phiếu (-0.2%), tương đương 20,289 tỷ đồng giá trị.

Ngoài trừ BIDV-BID (-0.6%) giảm điểm, các cổ phiếu còn lại trong nhóm ngân hàng đều đồng loạt đi lên giúp kéo điểm cho thị trường, tiêu biểu như SeABank-SSB (+6.9%), HDBank-HDB (+3.0%) hay VPBank-VPB (+2.3%). Trong khi đó, với phiên bật tăng vượt đỉnh, Masan-MSN (+5.0%) đóng vai trò dẫn dắt chính cho chỉ số chung. Ở chiều ngược lại, sắc đỏ cũng lan tỏa ở nhiều nhóm ngành. Đặc biệt là nhóm thép với Hòa Phát-HPG (-0.2%), Tập đoàn Hoa Sen-HSG (-1.6%) sau khi có thông tin giá quặng sắt đảo chiều giảm trở lại. Ngoài ra, nhóm dầu khí với PV Gas-GAS (-1.8%), Khoan Dầu khí PVDrilling-PVD (-2.9%), Vận tải Dầu khí PVTrans-PVT (-1.2%) cũng lao dốc khi giá dầu cũng có diễn biến hạ nhiệt.

Giao dịch khối ngoại ghi nhận phiên bán ròng với giá trị cao nhất kể từ tháng 1/2021 và đạt 1,614.8 tỷ đồng (+38.4%). Với lực bán được ghi nhận ở phần lớn là các cổ phiếu trong nhóm

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
HDG	4,353.0	197.63
CVT	4,417.2	181.97
IJC	6,480.4	175.36
TPB	4,257.0	129.66
VIC	1,040.0	127.81
STB	4,376.3	115.10
HNG	10,000.0	115.00
HPG	1,136.0	65.13
PDR	579.2	41.70
PPC	1,220.0	35.62
HNX		
SHB	19,000.1	494.00
IDC	940.0	29.23
CLH	565.2	13.85
TFC	781.7	6.25
TAR	200.0	3.38
VMC	188.0	2.01
HUT	200.0	1.20
ART	49.8	0.48

VN30. Trong đó, dẫn đầu là Hòa Phát-HPG (-411.6 tỷ), Vietinbank-CTG (-158.9 tỷ), Vingroup-VIC (-144.5 tỷ). Trái lại, chứng chỉ quỹ Quỹ-FUEVFNND (+23.4 tỷ), HDBank-HDB (+19.2 tỷ) và Bảo Việt-BVH (+17.4 tỷ) được mua ròng chủ yếu.

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index nói rộng đã tăng về cuối phiên và đóng cửa tại mức 294.72 điểm (+2.68%). KLGD khớp lệnh đạt 139.3 triệu cổ phiếu (+17.2%), tương đương 2,917.5 tỷ đồng giá trị (+12.6%).

Sự chú ý tiếp tục đổ dồn vào nhóm ngân hàng khi Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+10.0%) kéo trần phiên thứ 2 liên tiếp. Hai cổ phiếu khác trong nhóm là Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+6.0%) và Ngân hàng Bắc Á-BAB (+0.4%) cũng góp phần hỗ trợ cho đà tăng của chỉ số. Bên cạnh đó, nhóm cổ phiếu BĐS cũng hút tiền mạnh ở hàng loạt các cổ phiếu như Thaiholdings-THD (+1.5%), Netland-NRC (+6.3%), Việt Tiên Sơn Địa ốc-AAV (+6.1%) hay Tập đoàn CEO-CEO (+1.0%). Ở chiều ngược lại, Dầu khí PTSC-PVS (-0.9%), Chứng khoán VNDIRECT-VND (-0.7%), Vicostone-VCS (-0.4%) giảm điểm nhưng tín hiệu điều chỉnh không quá tiêu cực.

Khối ngoại cũng xả mạnh cổ phiếu sàn HNX hôm nay với giá trị bán ròng đạt 41.2 tỷ đồng (+474.6%). Với những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Chứng khoán VNDIRECT-VND (-38.7 tỷ), Tập đoàn PAN-PAN (-3.7 tỷ), Bảo hiểm PVI-PVI (-1.3 tỷ). Trong khi đó, Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+2.6 tỷ), Hạ tầng Vĩnh Phúc-IDV (+0.4 tỷ), Chứng khoán Đầu tư VN-IVS (+0.3 tỷ) là những cổ phiếu hút tiền từ khối ngoại.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền có phần thận trọng. Tuy nhiên, chỉ số vẫn giữ được xu hướng chính là tăng điểm, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA 5 và 20, cùng với +DI nằm trên -DI cho tín hiệu củng cố cho xu hướng hiện tại. Thêm vào đó, MACD nằm trên Signal duy trì tín hiệu mua và RSI nằm trên vùng 59 cho thấy chỉ số có cơ hội hướng lên ngưỡng kháng cự gần quanh vùng 1,280 – 1,285 điểm (đỉnh cũ). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA20, cùng với khối lượng giao dịch gia tăng, cho thấy xu hướng tăng ngắn hạn đang mạnh dần lên. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có thể hướng tới vùng kháng cự tâm lý 300 điểm. Nhìn chung, thị trường đang nằm trong xu hướng tăng điểm. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp rung lắc để tái cơ cấu danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và đang được dòng tiền mạnh hướng tới.

Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FLC	12.3	42,061.1	7.0%
TGG	5.7	1,988.7	7.0%
VAF	10.8	8.8	6.9%
TTB	6.5	1,005.2	6.9%
DTL	25.6	9.0	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CMV	15.3	0.1	-7.0%
FUCVREIT	17.7	6.3	-6.9%
SVC	75.1	0.1	-6.1%
SMA	7.7	0.3	-6.0%
TCR	4.4	9.7	-6.0%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	66.6	2,897.1	2.3%
HPG	61.4	2,028.0	-0.2%
STB	26.4	983.0	0.4%
CTG	47.0	816.2	1.1%
MBB	33.0	724.4	0.2%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VPB	66.6	44,442.2	2.3%
FLC	12.3	42,061.1	7.0%
STB	26.4	37,118.9	0.4%
HPG	61.4	32,951.4	-0.2%
ROS	7.6	24,017.7	3.4%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	28.6	61,055.9	10.0%
KTT	9.9	9.7	10.0%
ADC	26.4	0.1	10.0%
THS	35.4	0.2	9.9%
TMX	12.2	1.3	9.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
LM7	4.5	9.0	-10.0%
GDW	26.1	0.3	-9.7%
VE3	7.7	0.8	-9.4%
SDG	36.3	0.3	-9.3%
SMN	10.8	3.1	-9.2%

Top 5 giá trị

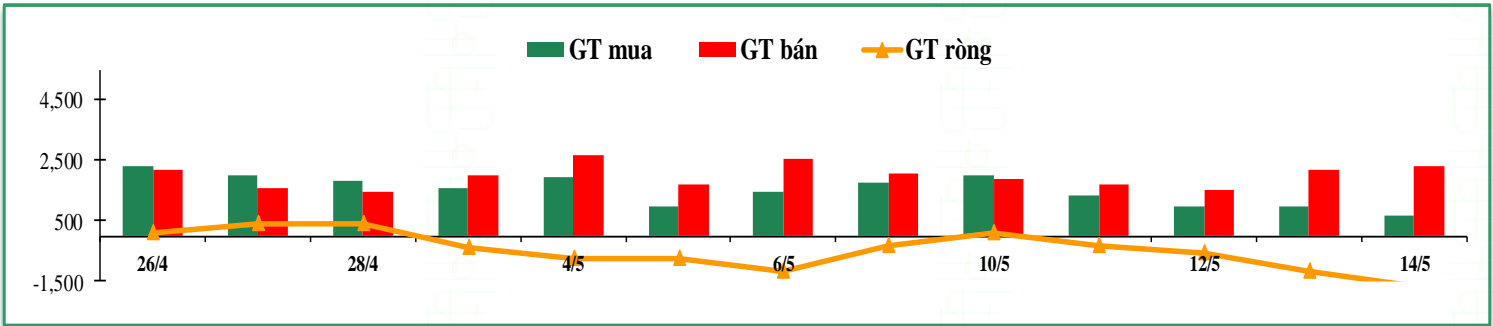
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	28.6	1,672.1	10.0%
THD	193.6	230.8	1.5%
SHS	30.1	223.2	1.0%
VND	41.0	195.1	-0.7%
NVB	17.8	178.4	6.0%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	28.6	61,055.9	10.0%
KLF	5.7	11,974.9	9.6%
NVB	17.8	10,250.8	6.0%
SHS	30.1	7,382.8	1.0%
PVS	21.5	6,523.1	-0.9%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	646.8	2.9%	2,261.6	10.3%	-1,614.8
HNX	7.0	0.2%	48.1	1.4%	-41.2
Tổng số	653.7		2,309.7		-1,656.0



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	66.6	149.8	2.3%
MSN	108.1	67.7	5.0%
VNM	89.5	58.2	-1.1%
BVH	55.8	29.4	0.4%
E1VFN30	23.0	27.8	0.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	61.4	429.4	-0.2%
VPB	66.6	199.9	2.3%
VNM	89.5	173.1	-1.1%
VIC	125.3	164.7	-0.9%
CTG	47.0	161.7	1.1%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
FUEVFN30	22.8	23.4	1.0%
HDB	31.2	19.2	3.0%
BVH	55.8	17.4	0.4%
E1VFN30	23.0	15.9	0.0%
DIG	28.6	7.4	2.0%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	30.1	2.6	1.0%
SHB	28.6	0.5	10.0%
PAN	26.4	0.4	1.5%
IDV	70.5	0.4	0.0%
IVS	9.5	0.3	-1.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	41.0	38.7	-0.7%
PAN	26.4	4.1	1.5%
PVI	33.2	1.3	1.5%
BVS	21.6	0.9	-0.9%
KLF	5.7	0.5	9.6%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	30.1	2.6	1.0%
IDV	70.5	0.4	0.0%
IVS	9.5	0.3	-1.0%
SCI	42.6	0.3	0.7%
BAX	73.0	0.2	0.0%

Tin trong nước

Tiêu thụ thép 4 tháng tăng 40% so với cùng kỳ

Theo báo cáo của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA) sản xuất các sản phẩm thép 4 tháng đầu năm của thành viên đạt 10,4 triệu tấn, tăng 38,3% so với cùng kỳ năm trước; bán hàng đạt 9,4 triệu tấn, tăng 40,3%. Xuất khẩu thép các loại đạt 2,1 triệu tấn, tăng 67,8% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, tiêu thụ thép xây dựng đạt 3,7 triệu tấn, tăng 16,3%; HRC đạt 2,45 triệu tấn, tăng 117%; thép cán nguội đạt 822.629 tấn, tăng 22,5%; tôn mạ đạt 1,6 triệu tấn, tăng 46,5%; ống thép đạt 875.982 tấn, tăng 30%.

VSA cho rằng sản lượng sản xuất và bán hàng thép xây dựng các tháng đầu năm duy trì mức cao trong vòng 5 năm trở lại đây nhờ chính sách đẩy mạnh đầu tư công. Tốc độ giải ngân đầu tư công tháng 4 và 4 tháng đầu năm đạt mức cao nhất giai đoạn 2017-2021.

VSA đánh giá xu hướng diễn biến giá nguyên liệu và thép thành phẩm trên thế giới trong năm 2021 có nhiều biến động, có thể thiết lập mặt bằng giá mới như thời kỳ hậu khủng hoảng tài chính 2008. Nguyên nhân đến từ nhu cầu nội địa Trung Quốc gia tăng với nhiệm vụ kép phục hồi sau Covid-19 và mở đầu kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm 2021-2025.

Huy động nguồn năng lượng tái tạo tăng hơn 150% trong 4 tháng đầu năm

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) cho biết trong 4 tháng đầu năm, nguồn năng lượng tái tạo (NLTT) được huy động đạt 9,5 tỷ kWh, tăng 156,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Tuy nhiên, số liệu cập nhật của EVN cũng cho thấy việc huy động nguồn từ nhiệt điện than, tua bin khí, nhiệt điện dầu và điện nhập khẩu đều giảm so với cùng kỳ năm 2020.

Sản lượng điện thương phẩm toàn EVN tháng 4 đạt 20,01 tỷ kWh, tăng 16,51% so với tháng 4 năm ngoái. Lũy kế 4 tháng đạt 70,84 tỷ kWh, tăng 6,74% so với cùng kỳ năm 2020.

Thống đốc: Việt Nam có cơ sở hút vốn ngoại

Dòng vốn vào Việt Nam mới chỉ phần nào được tự do hóa, cán cân vốn chưa mở cửa hoàn toàn, vẫn có các biện pháp quản lý nhất định.

Thống đốc cũng cho biết thời gian tới, khả năng kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ tiếp tục là nền tảng để giữ chân dòng vốn dài hạn vào Việt Nam, trên cơ sở xuất siêu tiếp tục tăng và tiêu dùng phục hồi.

Nguồn: NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

Vingroup đặt kế hoạch doanh thu tăng 54% lên 170.000 tỷ đồng

Tập đoàn Vingroup (HoSE: VIC) vừa công bố tài liệu họp ĐHCĐ thường niên 2021. Trong năm nay, tập đoàn đặt mục tiêu doanh thu thuần 170.000 tỷ đồng (7,4 tỷ USD) và lợi nhuận sau thuế khoảng 4.500 tỷ đồng, lần lượt tăng 54% và giảm 1% so với kết quả năm 2020.

Năm nay tập đoàn sẽ phát triển theo 3 trụ cột chính là công nghệ - công nghiệp - thương mại dịch vụ. Trong đó VinFast dự kiến ra mắt 5 mẫu xe máy điện và 3 mẫu xe ô tô thông minh

SHB lãi quý I gấp đôi cùng kỳ, tỷ lệ bao phủ nợ xấu về dưới 60%

Theo BCTC hợp nhất quý I, đến 31/3, tổng tài sản SHB ở mức 418.407 tỷ đồng, tăng 1% so với cuối năm trước. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN) giảm 66%, xuống 5.083 tỷ đồng.

Cho vay khách hàng tăng 2%, lên 310.690 tỷ đồng. Tổng nợ xấu ở mức 5.865 tỷ đồng, tăng 5% so với đầu năm. Tỷ lệ nợ xấu tăng từ 1,83% đầu năm lên 1,89%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu gần 59%, giảm so với mức 61% cuối năm trước. Về nguồn vốn, tiền gửi khách hàng giảm 1% so với đầu năm, xuống 300.654 tỷ đồng.

Trong quý I, SHB ghi nhận thu nhập lãi thuần 2.225 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ năm trước. Thu từ dịch vụ và kinh doanh ngoại hối tăng lần lượt 13% và 19% lên 126,6 tỷ đồng và 53,5 tỷ đồng.

Tại phiên họp thường niên 2021, SHB được thông qua hai kế hoạch kinh doanh tùy thuộc vào lộ trình tăng vốn. Trường hợp hoàn thành phát hành cổ phiếu ra công chúng trong quý III, lợi nhuận trước thuế năm 2021 đặt mục tiêu đạt 6.128 tỷ đồng, tăng 88% so với năm 2020. Trường hợp hoàn thành trong quý IV, lợi nhuận dự kiến là 5.828 tỷ đồng, tăng 78% so với năm 2020.

Ngân hàng dự kiến nâng vốn điều lệ từ 17.510 tỷ đồng lên 26.674 tỷ đồng, qua chia cổ tức bằng cổ phiếu và chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

MWG muốn cộng tác với 30.000 đại lý, nhắm đến 20% thị phần truyền thống

Lấy thêm thị phần kênh truyền thống

Với mục tiêu tăng thị phần, Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) vừa công bố kế hoạch cộng tác với các tiệm điện thoại, điện máy nhỏ (mô hình cộng tác viên) để tiếp cận đến các nhóm khách hàng mới.

Ông Đoàn Văn Hiếu Em, CEO chuỗi Thế Giới Di Động và Điện máy Xanh ước tính Việt Nam có đến 6.000-7.000 xã phường trong khi chuỗi chỉ có kế hoạch khoảng 3.000 cửa hàng vào cuối năm nay. Dù đã triển khai mô hình supermini nhưng công ty vẫn chưa thể tiếp cận được các khu vực xa xôi, trong khi cửa hàng truyền thống với diện tích chỉ 20m2 lại làm tốt việc này.

Hiện MWG chiếm khoảng 50% thị phần bán lẻ hàng công nghệ. Các nhà bán lẻ theo chuỗi khác chiếm 30%, còn lại chia nhỏ cho khoảng 30.000 cửa hàng truyền thống. Sau thất bại với mô hình Điện Thoại Siêu Rẻ, tập đoàn này vẫn muốn lấy thị phần kênh truyền thống với thử nghiệm bán hàng cộng tác viên.

Một thành viên HĐQT muốn mua 500.000 cổ phiếu NLG

Ông Cao Tấn Thạch, Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Nam Long (HoSE: NLG) đăng ký mua 500.000 cổ phiếu NLG từ ngày 17/5 đến 15/6 theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận.

Nếu khớp lệnh toàn bộ, ông Thạch sẽ nâng số lượng nắm giữ lên 1,75 triệu cổ phiếu, tương đương 0,6% vốn điều lệ. Cổ phiếu NLG chốt phiên 13/5 ở mức giá 38.500 đồng/cp, tạm tính số tiền vị lãnh đạo dự chi để mua lượng cổ phiếu trên là 19,25 tỷ đồng.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	CKG	Nắm giữ	07/05/21	17.45	15.5	12.6%	19.3	24.5%	14.9	-3.9%	Vượt kháng cự

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	CCL	Quan sát mua	17/05/21	13.35	15-15.5	Phiên bật tăng từ nền sau nhịp điều chỉnh tích lũy với vol cạn dần trước đó -> khả năng bắt đầu nhịp hồi phục
2	PGB	Quan sát mua	17/05/21	15.2	16.2-16.6 17.1-17.5	Nén rút chân kèm vol cao trở lại ở quanh vùng hỗ trợ 14.3-14.8 -> khả năng bắt đầu nhịp hồi phục
3	PTB	Quan sát mua	17/05/21	83.6	95 100	Tín hiệu quay lại xu hướng tăng với việc thoát kênh giảm và vượt lại trên MA50 + hai phiên điều chỉnh tích cực với nến nhỏ, vol thấp -> khả năng sớm tăng trở lại và có thể vượt đỉnh
4	CSV	Quan sát mua	17/05/21	27.3	30	Tín hiệu test đáy tích cực ở quanh vùng hỗ trợ 26.6-27.4 + có nền rút chân kèm vol cao trở lại -> cần một nền tăng tốt vượt 28 để cho tín hiệu xác nhận tạo đáy thành công

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Mua	20/04/21	84.8	81.5	4.0%	95	16.6%	78.8	-3%	
2	NLG	Mua	26/04/21	38.15	34.95	9.2%	40	14.4%	33.4	-4%	
3	VSC	Mua	28/04/21	49.5	49.9	-0.8%	55	10%	47	-6%	
4	DGC	Nắm giữ	29/04/21	66.8	60.8	9.9%	71.7	18%	58.2	-4%	
5	MWG	Mua	04/05/21	142.5	140.9	1.1%	172	22%	134.6	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	STB	Mua	05/05/21	26.4	24.1	9.5%	30	24%	22.9	-5%	
7	IJC	Mua	06/05/21	26.5	26.25	1.0%	32.85	25%	24.8	-6%	
8	CKG	Nắm giữ	07/05/21	17.45	15.5	12.6%	19.3	25%	14.9	-4%	Nâng giá mục tiêu lên 19.3 ngàn
9	BVB	Mua	11/05/21	15.2	14.8	2.7%	17.6	19%	14.2	-4%	
10	PHR	Mua	12/05/21	52.4	52.2	0.4%	58	11%	49.5	-5%	
11	SSI	Mua	13/05/21	35.3	34.8	1.4%	42	21%	33.5	-4%	
12	PLC	Mua	14/05/21	25.1	25.4	-1.2%	30.6	20%	24.1	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 14/05/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	8,100	-4.1%	214%	45,530	39	84,800	6,983	(1,117)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	8,300	9.2%	453%	34,740	52	84,800	1,755	(6,545)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	5,640	8.1%	464%	6,850	131	31,200	466	(5,174)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	410	37,200	-3.5%	8973%	550	47	61,400	35,472	(1,728)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2101	(54)	10,650	-2.2%	-19822%	17,300	131	61,400	3,723	(6,927)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	(518)	26,100	-4.4%	-5139%	5,120	52	61,400	20,525	(5,575)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	(982)	13,990	-2.9%	-1525%	32,520	53	61,400	9,765	(4,225)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	(1,446)	10,600	-4.9%	-833%	35,680	52	61,400	5,579	(5,021)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	(1,910)	15,200	-3.8%	-896%	52,520	87	61,400	9,807	(5,393)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CHPG2106	(2,374)	13,900	-5.3%	-686%	45,400	105	61,400	5,768	(8,132)	MBS	HPG	50,200	2.0	27/08/2021
CHPG2107	(2,838)	6,670	14.8%	-335%	86,740	90	61,400	670	(6,000)	KIS	HPG	59,368	5.0	12/08/2021
CHPG2108	1,200	4,980	20.9%	315%	8,820	90	61,400	659	(4,321)	KIS	HPG	59,456	5.0	12/08/2021
CKDH2002	(3,766)	4,850	0.0%	-229%	45,000	94	37,250	2,517	(2,333)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	(4,230)	5,100	8.1%	-221%	38,320	131	37,250	858	(4,242)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	(4,694)	8,200	9.3%	-275%	31,290	91	37,250	3,158	(5,042)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	(5,158)	17,150	-0.4%	-432%	17,150	31	33,000	17,029	(121)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	(5,622)	9,300	-7.1%	-265%	58,820	53	33,000	3,540	(5,760)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	(6,086)	2,550	9.9%	-142%	10,820	90	33,000	45	(2,505)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	(7,014)	4,900	7.9%	-170%	3,930	131	108,100	522	(4,378)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	(7,478)	4,790	8.1%	-164%	5,290	131	108,100	200	(4,590)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	(7,942)	11,200	12.0%	-241%	10,800	91	108,100	3,430	(7,770)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	(8,406)	28,090	6.0%	-434%	510	47	142,500	23,383	(4,707)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	(8,870)	3,780	2.2%	-143%	64,480	27	142,500	3,467	(313)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	(9,334)	5,500	10.2%	-159%	17,300	53	142,500	2,586	(2,914)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	(9,798)	9,850	11.9%	-201%	21,890	80	142,500	4,618	(5,232)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2103	(10,262)	4,970	21.2%	-148%	39,340	52	142,500	1,442	(3,528)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	(10,726)	9,810	11.1%	-191%	10,980	(53)	142,500	(49)	(9,859)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	(11,190)	7,200	-1.4%	-164%	32,910	105	142,500	1,641	(5,559)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	(11,654)	7,260	1.3%	-162%	156,950	28	134,100	7,094	(166)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	(12,118)	5,950	10.8%	-149%	38,990	131	134,100	3,589	(2,361)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CPNJ2101	(12,582)	3,110	-2.2%	-125%	32,100	53	94,200	1,661	(1,449)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	(13,046)	6,030	-0.2%	-146%	11,080	80	94,200	2,919	(3,111)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	(13,510)	4,110	-3.3%	-130%	14,930	35	94,200	3,112	(998)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	(13,974)	4,400	8.4%	-131%	44,130	53	56,000	2,037	(2,363)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	(14,438)	3,200	-5.9%	-122%	43,960	131	20,200	12	(3,188)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2007	(14,902)	7,660	-1.3%	-151%	29,340	13	26,400	7,705	45	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	(15,366)	7,260	-3.7%	-147%	48,040	28	26,400	7,210	(50)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	(15,830)	14,500	0.0%	-192%	17,700	31	26,400	14,422	(78)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	(16,294)	8,400	-6.4%	-152%	32,200	131	26,400	2,328	(6,072)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	(16,758)	9,100	-2.2%	-154%	42,330	21	26,400	8,422	(678)	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	(17,222)	8,990	-5.4%	-152%	62,120	87	26,400	4,246	(4,744)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	(17,686)	12,710	-9.0%	-172%	46,770	105	26,400	3,717	(8,993)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	(18,150)	27,000	-1.7%	-249%	22,360	77	48,650	26,749	(251)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	(18,614)	22,900	-3.0%	-223%	14,200	144	48,650	17,912	(4,988)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	(19,078)	10,200	-2.9%	-153%	37,590	53	48,650	6,381	(3,819)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	(19,542)	11,700	-2.9%	-160%	63,540	87	48,650	6,666	(5,034)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	(20,006)	11,650	-2.4%	-158%	36,710	105	48,650	1,860	(9,790)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	(20,934)	2,900	-3.3%	-114%	55,590	94	22,500	119	(2,781)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	(21,398)	3,700	0.5%	-117%	17,830	131	22,500	165	(3,535)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	(21,862)	4,700	-10.0%	-121%	39,160	91	22,500	112	(4,588)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	(22,326)	3,050	13.8%	-114%	101,040	90	22,500	0	(3,050)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	(22,790)	2,260	-9.2%	-110%	69,020	28	97,200	846	(1,414)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	(23,254)	4,500	10.0%	-119%	38,010	131	97,200	85	(4,415)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	(23,718)	4,140	2.5%	-117%	35,130	53	97,200	1,048	(3,092)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	(24,182)	2,500	-8.8%	-110%	31,700	21	97,200	432	(2,068)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	(24,646)	4,520	2.3%	-118%	60,820	87	97,200	268	(4,252)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	(25,110)	5,690	-0.4%	-123%	36,610	91	97,200	89	(5,601)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	(25,574)	5,150	9.6%	-120%	60,870	90	97,200	1	(5,149)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	(26,038)	3,060	-5.9%	-112%	35,580	28	125,300	1,861	(1,199)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	(26,502)	5,290	9.1%	-120%	42,710	131	125,300	233	(5,057)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	(26,966)	3,680	-8.0%	-114%	29,430	21	125,300	2,542	(1,138)	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVJC2006	(27,430)	1,100	-6.0%	-104%	55,080	28	117,900	349	(751)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	(27,894)	1,080	-10.0%	-104%	110,610	28	89,500	(0)	(1,080)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	(28,358)	3,160	-4.2%	-111%	29,470	131	89,500	0	(3,160)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	(28,822)	2,800	-1.8%	-110%	30,300	53	89,500	0	(2,800)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	(29,286)	2,700	-6.6%	-109%	26,560	35	89,500	0	(2,700)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	(29,750)	4,210	-5.6%	-114%	37,640	122	89,500	23	(4,187)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVPB2015	(30,214)	40,000	-4.7%	-232%	12,260	77	66,600	40,717	717	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	(30,678)	16,150	0.0%	-153%	11,950	53	66,600	14,858	(1,292)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	(31,142)	15,490	1.9%	-150%	6,450	21	66,600	15,572	82	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	(31,606)	16,850	2.2%	-153%	65,340	87	66,600	15,143	(1,707)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	(32,070)	14,120	7.6%	-144%	16,630	105	66,600	5,968	(8,152)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2009	(32,534)	440	-20.0%	-101%	153,520	13	30,650	8	(432)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	(32,998)	1,040	-11.1%	-103%	77,400	28	30,650	7	(1,033)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	(33,462)	8,170	-0.9%	-124%	18,150	77	30,650	3,330	(4,840)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	(33,926)	3,480	1.8%	-110%	18,810	131	30,650	101	(3,379)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	(34,390)	2,930	0.0%	-109%	48,380	53	30,650	262	(2,668)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	(34,854)	3,290	-3.2%	-109%	55,450	87	30,650	136	(3,154)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	(35,318)	5,000	0.0%	-114%	27,270	91	30,650	72	(4,928)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
MSN	(New) HOSE	108,100	104,500	14/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
NVL	(New) HOSE	134,100	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG	(New) UPCOM	43,000	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
NLG	(New) HOSE	38,150	39,000	12/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	8%	9.1	1.5	5%
KDH	(New) HOSE	37,250	39,000	12/05/2021	1,174	2,157	17,973	14%	8%	18.6	2.2	0%
VCB	HOSE	96,900	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB	HOSE	36,450	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB	HOSE	48,650	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG	HOSE	16,950	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP	HOSE	58,800	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
VNM	HOSE	89,500	128,000	04/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
CTD	HOSE	57,000	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
STK	HOSE	33,550	41,000	28/04/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
DHG	HOSE	95,000	100,400	28/04/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
PNJ	HOSE	94,200	116,000	27/04/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
HPG	HOSE	61,400	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
FPT	HOSE	84,800	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS	HNX	21,400	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC	HOSE	40,500	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
DGW	HOSE	131,000	103,700	13/04/2021	425	9,881	35,452	28%	11%	10.5	2.8	20%
VHC	HOSE	37,300	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
ACV	UPCOM	69,000	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
ANV	HOSE	22,900	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
REE	HOSE	56,000	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
PLX	HOSE	54,800	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT	HOSE	20,200	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
MPC	UPCOM	34,900	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
FMC	HOSE	32,050	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
GVR	HOSE	26,300	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

QNS		UPCOM	39,500	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
VRE		HOSE	30,650	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
TCM		HOSE	103,900	66,000	11/03/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	12.5	2.0	-
MWG		HOSE	142,500	140,600	08/03/2021	4,546	10,036	41,716	24%	9%	14.0	3.4	15%
GAS		HOSE	84,100	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	51,800	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
GMD		HOSE	35,700	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
TNG		HOSE	20,800	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	78,600	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	15,500	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	17,700	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
IMP		HOSE	72,800	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10%	18.9	2.3	20%
FRT		HOSE	26,950	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	1%	62.0	1.4	10%
VHM		HOSE	97,200	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
SAB		HOSE	154,900	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
LHG		HOSE	38,650	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
PHR		HOSE	52,400	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
CTR		UPCOM	77,800	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,250	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.